

Bản án số: 849/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/11/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Phạm Việt Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Khanh

Bà Trần Thị Kim Anh

***- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** bà Lê Thị Kim Cương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 715/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* bà Trịnh Thị T, sinh năm 1997 (có đơn xin giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: số 81, Đường số 1, phường AL, quận BT, Thành phố HCM.

*Bị đơn:* ông Bùi Nhật Q, sinh năm 1982 (có đơn xin giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: số 81, Đường số 1, phường AL, quận BT, Thành phố HCM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn của bà Trịnh Thị T và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:*

\* *Nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày:* vợ chồng bà chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 127, cấp ngày 15/8/2016 của Ủy ban nhân dân phường AL, quận BT, Thành phố HCM.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay đang sống ly thân với nhau.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trịnh Thị T yêu cầu ly hôn với ông Bùi Nhật Q.

- Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Trịnh Bảo T, sinh ngày 27/5/2016 và Bùi Trịnh Tuệ N, sinh ngày 22/5/2019. Ly hôn thống nhất đồng ý giao 02 con chung cho ông Bùi Nhật Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Trịnh Thị T không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: hai bên xác nhận không có.

*\* Bị đơn là ông Bùi Nhật Q trình bày:* vợ chồng ông chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 127, cấp ngày 15/8/2016 của Ủy ban nhân dân phường AL, quận BT, Thành phố HCM.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn như bà T trình bày, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn. Hiện nay đang sống ly thân với nhau.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Bùi Nhật Q đồng ý ly hôn đối với bà Trịnh Thị T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Bùi Trịnh Bảo T, sinh ngày 27/5/2016 và Bùi Trịnh Tuệ N, sinh ngày 22/5/2019. Ly hôn yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu bà Trịnh Thị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: hai bên xác nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị ghi nhận thuận tình ly hôn của bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q. Có 02 (hai) con chung tên Bùi Trịnh Bảo T, sinh ngày 27/5/2016 và Bùi Trịnh Tuệ N, sinh ngày 22/5/2019, ghi nhận việc giao 02 con chung cho ông Bùi Nhật Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung; bà T, ông Q tự thỏa thuận. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà T, ông Q khai không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q có đăng ký kết hôn, bà T có yêu cầu xin ly hôn với ông Q nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Bùi Nhật Q cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt; nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] *Về nội dung vụ án:*

- Bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q tự nguyện thống nhất thuận tình ly hôn, sự thỏa thuận của bà T và ông Q phù hợp theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông Q.

- Về con chung: bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung tên Bùi Trịnh Bảo T, sinh ngày 27/5/2016 và Bùi Trịnh Tuệ N, sinh ngày 22/5/2019 cho ông Q được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung; sự thỏa thuận này phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q xác nhận không có.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* bà Trịnh Thị T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127, cấp ngày 15/8/2016 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: giao 02 con chung tên Bùi Trịnh Bảo T, sinh ngày 27/5/2016 và Bùi Trịnh Tuệ N, sinh ngày 22/5/2019 cho ông Bùi Nhật Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Trịnh Thị T không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q xác nhận không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Trịnh Thị T phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 063852 ngày 16/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, bà T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị*: bà Trịnh Thị T và ông Bùi Nhật Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND quận Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Việt Hải**